

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:11/2021/DS-ST

Ngày:12-8-2021

“Tranh chấp hợp đồng tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hoài

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Thành và bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Luyện - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 12-8-2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2021/TLST - DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 đối với *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 13-7-2021, quyết định hoãn phiên toà số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 27-7-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1962.(vắng mặt)

Cư trú tại: tổ 1, V, M, Đông Triều, Quảng Ninh

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1988 (có mặt)

Cư trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Người làm chứng:

Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cư trú tại: tổ 1, V, M, Đông Triều, Quảng Ninh

Chị Hà Thị H1, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cư trú tại: Thôn P, xã Q, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Đức K, bị đơn anh Lê Văn T đều thống nhất trình bày: Gia đình ông Nguyễn Đức K kinh doanh dịch vụ cầm đồ có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 22.L8-006997 ngày 18-8-2014. Ngày 28-7-2019 anh Lê Văn T vay ông K số tiền 156.000.000^d, lãi suất thỏa thuận 0,05%/ngày (1,5%/tháng). Khi vay anh T để lại thẻ ATM, mã pin 740132 và sổ bảo hiểm số 2209002482, chứng minh thư nhân dân của anh T để làm tin. Hẹn đến tháng lương sẽ thanh toán trả. Đến hẹn ông K đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh T không trả, ông đã khởi kiện yêu cầu anh T trả tiền gốc

156.000.000^d và tiền lãi từ 28-7-2019 đến thời điểm khởi kiện là 15 tháng x 1,5%/tháng = 35.100.000^d. Tổng anh T phải trả ông số tiền 191.100.000^d. Ngày 25-4-2021, anh T đã trả ông được số tiền 99.300.000^d, tiền còn nợ lại 56.700.000^d tiền gốc và lãi tính từ tháng 8-2019 đến nay theo lãi suất 1,5%/tháng. Nguyên, bị đơn đều xác định khoản tiền trên không liên quan đến chị Nguyễn Thị H vợ ông K và chị Hà Thị H1 vợ anh T. Tại biên bản hòa giải thành ngày 07-7-2021, ông K và anh T đã thỏa thuận được với nhau về số tiền và thời hạn trả nợ nhưng sau đó ông K có đơn thay đổi thỏa thuận. Ngày 09-8-2021, ông K có đơn đề nghị xử vắng mặt và yêu cầu ngoài số nợ gốc còn lại chưa trả, anh T còn phải trả lãi theo thỏa thuận và lãi suất quá hạn. Tổng số tiền là 134.235.000^d.

Người làm chứng: chị Nguyễn Thị H và chị Hà Thị H1 đều văn bản trình bày ý kiến xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản là việc cá nhân ông K và anh T không liên quan đến các chị.

Tại phiên tòa:

Bị đơn anh Lê Văn T đề nghị vì hiện nay kinh tế khó khăn không thể trả nợ một lần, anh đề nghị xin số tiền lãi. Nếu ông K không đồng ý, anh đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: **Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn anh Lê Văn T phải trả tổng số tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, lãi suất quá hạn theo quy định tại các Điều 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định.

[1] Về Quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng và xác định người tham gia tố tụng:** Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Ông K và anh T đều trình bày khoản tiền vay nợ không liên quan đến chị Nguyễn Thị H (vợ ông K) và chị Hà Thị H1 (vợ anh T), vì vậy không xác định các chị tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc, lãi theo thỏa thuận tính đến thời điểm khởi kiện là 191.100.000^d; sau đó ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật đối với số tiền gốc còn lại chưa trả, lãi suất thỏa thuận và lãi suất quá hạn, tổng số tiền 134.235.000^d. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ngày 07-7-2021, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án đã lập biên bản hòa giải thành, do chưa hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản, nguyên

đơn ông Nguyễn Đức K đã thay đổi sự tự nguyện thỏa thuận. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Xét thấy: Lời khai của các đương sự phù hợp với bản chính giấy biên nhận ngày 28-7-2019 có nội dung thể hiện: *anh T vay ông K số nợ gốc là 156.000.000^d, lãi suất 0,05%/ngày (1,5%/tháng), hẹn tháng lương sẽ thanh toán trả.* Ngày 27-4-2021 đã trả số nợ gốc 99.300.000^d. Số tiền nợ gốc còn lại chưa trả là 56.700.000^d. Với mức lãi suất các đương sự thỏa thuận ($0,05\%/ngày = 1,5\%/tháng = 18\%/năm$) không vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự vì vậy yêu cầu trả lãi suất theo thỏa thuận của ông K có căn cứ và được chấp nhận.

- Xem xét yêu cầu trả lãi quá hạn: Theo giấy biên nhận hai bên có thỏa thuận thời hạn trả là đến *tháng lương sẽ thanh toán trả.* (Tại phiên tòa anh T trình bày thời hạn trả là tháng lương kế tiếp tính từ tháng vay). Vì đến hạn trả anh T đã không trả gốc và lãi. Theo quy định tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định đối với trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi. Do đó yêu cầu trả **lãi quá hạn** của ông K được chấp nhận. Số tiền lãi theo thỏa thuận và lãi suất quá hạn theo Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tính được như sau:

Thời gian vay	Thời hạn trả	Số ngày	Dư nợ	Lãi suất %/ năm	Số tiền lãi	Ghi chú
28/7/2019	28/8/2019	32	156.000.000	18%	2.496.000	Lãi trong hạn
29/8/2019	28/4/2021	609	156.000.000	18%	47.502.000	Lãi trong hạn
29/8/2019	28/4/2021	609	156.000.000	9%	23.751.000	Lãi quá hạn
29/4/2021	12/8/2021	106	56.700.000	18%	3.005.000	Lãi trong hạn
29/4/2021	12/8/2021	106	56.700.000	9%	1.502.000	Lãi quá hạn
Tổng số lãi					78.256.000	

Như vậy, tổng số nợ gốc và lãi bị đơn anh Lê Văn T phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Đức K là: 134.956.000^d (làm tròn số) (Trong đó 56.700.000^d nợ gốc; lãi thỏa thuận 53.003.000^d; lãi quá hạn 25.253.000^d). So với số tiền ông K tự tính (134.235.000^d) chênh lệch số tiền 721.000^d. Vì nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa do vậy Hội đồng xét xử căn cứ kết quả tính toán của ngân hàng để giải quyết.

[4] Các vấn đề khác: Đối với thẻ ATM, mã pin 740132 và sổ bảo hiểm số 2209002482, chứng minh thư nhân dân của anh T để làm tin khi vay tiền. Anh T đã nhận lại. HĐXX không giải quyết.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Nguyễn Đức K được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các điều 357, 463, 465, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức K

[2]. Buộc anh Lê Văn T phải trả ông Nguyễn Đức K tổng số tiền : 134.956.000^d (*Một trăm ba mươi tư triệu chín trăm năm mươi sáu nghìn đồng*) (Trong đó số tiền 56.700.000^d nợ gốc; lãi thỏa thuận số tiền 53.003.000^d; lãi quá hạn số tiền 25.253.000^d).

Kể từ ngày người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải chịu lãi suất trên số tiền chậm thi hành cho đến khi thi hành xong. Mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí:

- Buộc anh Lê Văn T phải chịu số tiền 6.747.800^d (*sáu triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại ông Nguyễn Đức K số tiền 4.800.000^d (*Bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2018/0003749 ngày 27-4-2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà.

[4]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương.
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- UBND Phường M;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ THU HOÀI